

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đối ứng ODA năm 2019**  
**(nguồn vốn của tỉnh)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 4345/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn 2016-2020 và kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 03/TTr-SKHĐT ngày 16/01/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đối ứng ODA năm 2019 (nguồn vốn của tỉnh) với số tiền là 68.248 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn Đầu tư tập trung phân bổ chi tiết 18.692 triệu đồng cho các lĩnh vực:

- Lĩnh vực Giao thông – Nông nghiệp và PTNT: 18.027 triệu đồng.

- Lĩnh vực Môi trường: 665 triệu đồng.

2. Nguồn vốn Cấp quyền sử dụng đất phân bổ chi tiết 41.318 triệu đồng cho các lĩnh vực:

- Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT: 21.318 triệu đồng.

- Lĩnh vực Môi trường: 20.000 triệu đồng.

3. Nguồn vốn Xổ số kiến thiết phân bổ chi tiết 8.238 triệu đồng cho các lĩnh vực:

- Lĩnh vực Y tế: 450 triệu đồng.

- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: 7.788 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Thời gian giải ngân Kế hoạch vốn đối ứng ODA năm 2019 (nguồn vốn của tỉnh) được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2014, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ.

Các chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn nêu trên gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan hướng dẫn các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, các Chủ đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *Zu H*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh, CV;
- Lưu: VT, K1. *me*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



*anh*  
Hồ Quốc Dũng

**PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN ODA NĂM 2019**  
(NGUỒN VỐN CỦA TỈNH)

(Kèm theo Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh)



ĐVT: Triệu đồng

| STT       | Danh mục dự án                                                                                                                                                      | Kế hoạch vốn đối ứng từ NST năm 2019 | Đầu mối giao Kế hoạch            | Ghi chú                                              |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------|
|           | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                                                                                    | <b>68.248</b>                        |                                  |                                                      |
| <b>A</b>  | <b>VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG</b>                                                                                                                                         | <b>18.692</b>                        |                                  |                                                      |
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực Giao thông - Nông nghiệp và PTNT</b>                                                                                                                    | <b>18.027</b>                        |                                  |                                                      |
| 1         | Dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)                                                                                      | 3.000                                | Sở Giao thông Vận tải            | *                                                    |
| 2         | Dự án Phát triển NTTH các tỉnh miền Trung-Khoản vay bổ sung                                                                                                         | 1.500                                | Ban QLDA NN&PTNT                 |                                                      |
| 3         | Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định                                                                                    | 8.000                                | Ban QLDA NN&PTNT                 |                                                      |
| 4         | Dự án Quản lý thiên tai (WB5)                                                                                                                                       | 1.000                                | Sở NN&PTNT                       | Trong đó chi hoạt động văn phòng là 300 triệu đồng   |
| 5         | DA Phục hồi và quản lý bảo vệ bền vững rừng phòng hộ (JICA2)                                                                                                        | 2.600                                | Sở NN&PTNT                       | Trong đó chi hoạt động văn phòng là 1.200 triệu đồng |
| 6         | DA Nguồn lợi ven biển vì sự PT bền vững (CRSD)                                                                                                                      | 1.528                                | Sở NN&PTNT                       | Trong đó chi hoạt động văn phòng là 1.000 triệu đồng |
| 7         | Dự án Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn vùng miền Trung (ADB)                                                                                           | 207                                  | Sở NN&PTNT                       | Dứt điểm                                             |
| 8         | Xây dựng mở rộng mạng lưới phân phối nước sạch thuộc công trình Cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát                                                                    | 192                                  | Sở NN&PTNT                       | Dứt điểm                                             |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực Môi trường</b>                                                                                                                                          | <b>665</b>                           |                                  |                                                      |
| 1         | Chi phí BQL dự án JICA                                                                                                                                              | 50                                   | Sở KH&ĐT                         |                                                      |
| 2         | Chi phí BQL dự án -Dự án Cấp nước và Vệ sinh tỉnh Bình Định (Bi tài trợ)                                                                                            | 100                                  | Sở KH&ĐT                         |                                                      |
| 3         | Xây dựng hệ thống XLNT tập trung tại làng nghề sản xuất bún tươi thôn Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, huyện An Nhơn                                        | 515                                  | Sở TN&MT                         | Dứt điểm                                             |
| <b>B</b>  | <b>VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>                                                                                                                                    | <b>41.318</b>                        |                                  |                                                      |
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT</b>                                                                                                                                 | <b>21.318</b>                        |                                  |                                                      |
| 1         | Dự án Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn                                                                                                                                 | 8.739                                | Ban QLDA NN&PTNT                 |                                                      |
| 2         | Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)                                                                                                                        | 5.000                                | Ban QLDA NN&PTNT                 |                                                      |
| 3         | Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang                                                                                                                                    | 5.000                                | Ban QLDA NN&PTNT                 |                                                      |
| 4         | Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi; Thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cạn để ứng phó với tình hình nắng hạn | 2.000                                | Ban QLDA NN&PTNT                 |                                                      |
| 5         | Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu - tỉnh Bình Định                                                                        | 579                                  | Ban QLDA NN&PTNT                 | Dứt điểm                                             |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực Môi trường</b>                                                                                                                                          | <b>20.000</b>                        |                                  |                                                      |
| 1         | Dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn                                                                                   | 20.000                               | Ban QLDA Dân dụng và Công nghiệp |                                                      |
| <b>C</b>  | <b>VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT</b>                                                                                                                                         | <b>8.238</b>                         |                                  |                                                      |

*Handwritten signature*

| STT       | Danh mục dự án                                                                                  | Kế hoạch vốn<br>đối ứng từ<br>NST năm 2019 | Đầu mối giao Kế hoạch | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------|---------|
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực Y tế</b>                                                                            | <b>450</b>                                 |                       |         |
| 1         | Dự án Hợp phần Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định thuộc Dự án phát triển bệnh viện tỉnh, vùng gđ2 | 300                                        | BVĐK Tỉnh             |         |
| 2         | Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện tỉnh Bình Định                                           | 150                                        | Sở Y Tế               |         |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo</b>                                                             | <b>7.788</b>                               |                       |         |
| <b>1</b>  | <b>Dự án Phát triển Giáo dục THPT giai đoạn 2</b>                                               | <b>183</b>                                 | Sở GD&ĐT              |         |
| 1.1       | Trường THPT Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ                                                                | 183                                        | Sở GD&ĐT              |         |
| <b>2</b>  | <b>Chương trình Phát triển Giáo dục trung học giai đoạn 2 (khoản vay chính sách)</b>            | <b>5.625</b>                               | Sở GD&ĐT              |         |
| 2.1       | Trường THPT chuyên Chu Văn An                                                                   | 3.625                                      | Sở GD&ĐT              |         |
| 2.2       | Trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Tây Sơn                                                           | 1.000                                      | Sở GD&ĐT              |         |
| 2.3       | Trường THPT Xuân Diệu, huyện Tuy Phước                                                          | 1.000                                      | Sở GD&ĐT              |         |
| <b>3</b>  | <b>Dự án Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2</b>                                   | <b>1.980</b>                               |                       |         |
| 3.1       | Trường THCS Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn                                                           | 330                                        | Sở GD&ĐT              |         |
| 3.2       | Trường THCS Mỹ An, huyện Phù Mỹ                                                                 | 330                                        | Sở GD&ĐT              |         |
| 3.3       | Trường THCS Cát Hải, huyện Phù Cát                                                              | 330                                        | Sở GD&ĐT              |         |
| 3.4       | Trường THCS Cát Sơn, huyện Phù Cát                                                              | 330                                        | Sở GD&ĐT              |         |
| 3.5       | Trường THCS Bình Thuận, huyện Tây Sơn                                                           | 330                                        | Sở GD&ĐT              |         |
| 3.6       | Trường THCS Phước Hòa, huyện Tuy Phước                                                          | 330                                        | Sở GD&ĐT              |         |

(\*): Giao Sở Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ban QLDA Giao thông tỉnh phân bổ cụ thể cho hợp phần cầu và hợp phần đường

